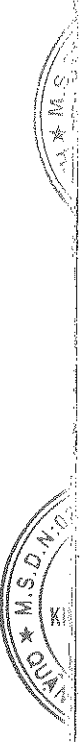


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Khuyến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Mộng Thư	Trưởng ban
Ông Trương Tấn Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Võ Quốc Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Long An, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Số: 455B/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 11, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 26 tháng 03 năm 2021. Báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) và báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

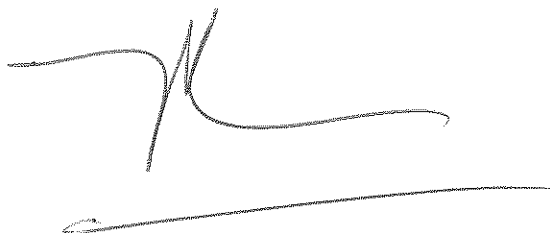
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt – được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm và các công ty con đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	3.087.478.327.190	2.677.661.939.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	141.631.887.779	111.617.599.463
1. Tiền	111	98.055.645.775	105.911.039.821
2. Các khoản tương đương tiền	112	43.576.242.004	5.706.559.642
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	449.063.927.678	177.995.509.684
1. Chứng khoán kinh doanh	121	447.414.780.719	265.004.007.342
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	(88.018.497.658)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.649.146.959	1.010.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.456.697.440.508	1.425.094.251.144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	503.106.196.465	364.297.008.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	779.232.677.045	660.822.100.214
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	100.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	205.750.419.849	336.358.771.288
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(32.226.669.821)	(36.731.569.645)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	834.816.970	347.941.079
IV. Hàng tồn kho	140	1.004.346.233.876	938.423.913.635
1. Hàng tồn kho	141	1.007.717.646.223	943.020.114.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.371.412.347)	(4.596.201.121)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	35.738.837.349	24.530.666.015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.636.027.168	11.525.113.573
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	25.038.992.128	12.280.583.852
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	63.818.053	724.968.590

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.424.423.859.042	2.870.261.896.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	277.530.547.969	148.637.982.459
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	1.905.892.968	8.028.530.769
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	156.395.747.000	23.775.747.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	119.338.802.946	116.944.134.892
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(109.894.945)	(110.430.202)
II. Tài sản cố định	220	937.308.138.574	933.077.893.272
1. Tài sản cố định hữu hình	221	628.099.520.761	622.740.337.061
Nguyên giá	222	1.586.812.286.479	1.498.628.309.208
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(958.712.765.718)	(875.887.972.147)
2. Tài sản cố định vô hình	227	309.208.617.813	310.337.556.211
Nguyên giá	228	342.515.360.909	342.515.360.909
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.306.743.096)	(32.177.804.698)
III. Bất động sản đầu tư	230	11.813.478.687	13.172.046.481
1. Nguyên giá	231	19.502.673.766	19.544.673.766
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232	(7.689.195.079)	(6.372.627.285)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	778.928.126.374	783.829.112.050
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	686.875.524.188	684.582.277.474
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	92.052.602.186	99.246.834.576
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	468.636.753.875	463.838.188.436
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	460.266.753.875	459.762.415.072
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.370.000.000	13.365.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(9.289.226.636)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	950.206.813.563	527.706.673.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	597.535.394.970	138.081.139.871
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13.148.444.302	9.507.098.144
3. Lợi thế thương mại	269	339.522.974.291	380.118.435.426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	6.511.902.186.232	5.547.923.836.080

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	4.963.383.205.812	4.038.185.440.528
I. Nợ ngắn hạn	310	2.183.676.986.848	2.156.511.090.667
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	349.778.558.022	364.357.242.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.450.594.939	22.198.530.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	72.112.470.999	80.247.142.136
4. Phải trả người lao động	314	40.888.006.878	41.545.565.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	121.759.940.469	133.141.823.037
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19.330.126.668	8.082.891.025
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	547.246.354.688	311.275.334.777
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.001.325.449.491	1.180.670.225.684
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14.785.484.694	14.992.334.694
II. Nợ dài hạn	330	2.779.706.218.964	1.881.674.349.861
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	91.972.101.985
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	279.330.039.308	309.648.752.612
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	849.565.141.135	349.359.450.460
4. Phải trả dài hạn khác	337	453.390.842.059	465.316.722.516
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.197.420.196.462	665.377.322.288

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

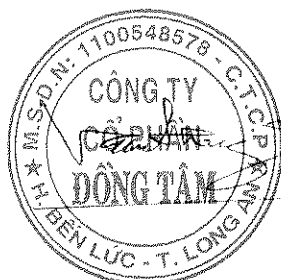
Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.548.518.980.420	1.509.738.395.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.548.518.980.420	1.509.738.395.552
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	680.704.850.000	680.704.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27.598.330.000	27.598.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(18.591.000.000)	(18.591.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	47.441.278.681	47.606.412.904
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	705.407.571.320	708.522.932.595
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	591.364.688.910	509.024.549.266
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	114.042.882.410	199.498.383.329
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	105.957.950.419	63.896.870.053
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	6.511.902.186.232	5.547.923.836.080



Võ Quốc Thắng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Hùng
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư
 Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

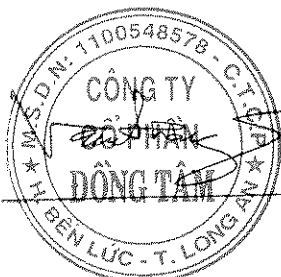
Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.018.579.008.012	2.244.252.536.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	99.145.676.698	124.689.064.497
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.919.433.331.314	2.119.563.471.537
4. Giá vốn hàng bán	11	1.303.393.681.342	1.456.763.736.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	616.039.649.972	662.799.734.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	102.341.684.365	284.329.351.856
7. Chi phí tài chính	22	150.899.520.090	191.923.624.621
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23	<i>163.373.197.527</i>	<i>130.293.261.466</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	504.338.803	(11.415.757.570)
9. Chi phí bán hàng	25	227.619.669.756	302.869.356.014
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	182.587.813.009	205.898.136.922
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	157.778.670.285	235.022.211.463
12. Thu nhập khác	31	4.824.723.692	2.382.304.597
13. Chi phí khác	32	13.361.882.192	5.216.489.437
14. Lợi nhuận khác	40	(8.537.158.500)	(2.834.184.840)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	149.241.511.785	232.188.026.623
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33.452.427.074	33.256.422.282
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(3.641.346.157)	(2.267.826.289)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	119.430.430.868	201.199.430.630
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	114.042.882.410	199.498.383.329
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	5.387.548.458	1.701.047.301
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.697	2.968
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.697	2.968



Võ Quốc Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư
Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149.241.511.785	232.188.026.623
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	126.779.524.238	85.986.546.387
Các khoản dự phòng	03	(103.037.948.149)	67.103.458.967
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	125.242.825
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.871.791.107)	(273.140.338.702)
Chi phí lãi vay	06	163.373.197.527	130.293.261.466
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	283.484.494.294	242.556.197.566
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(303.525.843.929)	243.835.106.848
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(78.155.488.026)	(152.972.460.519)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	536.789.536.256	(11.923.427.079)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(463.336.281.838)	18.791.221.833
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(182.410.773.377)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(136.528.901.343)	(124.020.141.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.944.557.642)	(67.790.565.885)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(206.850.000)	(270.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(378.834.665.605)	148.205.130.936
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(80.296.988.229)	(225.427.418.291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	128.322.987	1.943.284.579
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(150.639.146.959)	(91.010.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	264.086.250.000	105.691.885.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.370.000.000)	(132.596.393.924)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.776.143.946	28.174.217.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	125.684.581.745	(313.224.425.481)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 7, Khu phố 6, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN/HN

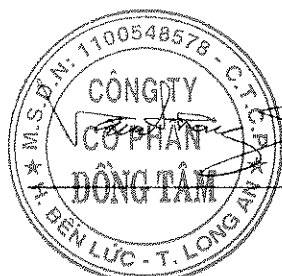
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.685.268.084.173	2.428.734.650.351
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.371.276.361.797)	(2.173.007.023.439)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.827.350.200)	(31.800.187.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	283.164.372.176	223.927.439.512
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
(50 = 20+30+40)	50	30.014.288.316	58.908.144.967
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	111.617.599.463	52.709.916.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(462.115)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ			
(70 = 50+60+61)	70	141.631.887.779	111.617.599.463



Võ Quốc Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Long An, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dư
Giám đốc tài chính

Phan Thị Quế Phương
Kế toán trưởng